

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **128/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/7/2022

*“V/v Ly hôn, nuôi con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn.

Bà Dương Thị Kim Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Phạm Thị Thù - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 102/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2022, về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2022/QĐ-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Văn H**, sinh năm 1983

Đăng ký hộ khẩu: Thôn Quảng Đạt, xã NP, huyện KT, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: số nhà 385/72/2 tổ 43, khu phố 6, phường HN, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai (đề nghị xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh H: Ông **Phan Văn T** - Luật sư VPLS Phan T và cộng sự

Địa chỉ: số 87, đường Nguyễn Đình Chính, phường TX, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang (đề nghị xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị **Lê Thị Th**, sinh năm 1983.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Quảng Đạt, xã NP, huyện KT, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Văn V.**

Địa chỉ: Thôn Quảng Đạt, xã NP, huyện KT, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng:* Anh và chị Lê Thị Th được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HN, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai vào ngày 08/3/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh ở cùng bố mẹ anh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do sự khác biệt giữa hai miền Nam - Bắc dẫn đến mẹ chồng, nàng dâu không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Sau khi sinh được 02 con, năm 2010 vợ chồng anh quyết định chuyển ra ngoài Bắc sinh sống cùng bố mẹ chị Th tại thôn Quảng Đạt, xã NP, huyện KT, tỉnh Hải Dương. Năm 2012, để cải thiện tình hình kinh tế gia đình, vợ chồng anh quyết định đi xuất khẩu lao động tại Liên Bang Nga. Hết hạn hợp đồng 03 năm thì anh chị lại về nước ở cùng bố mẹ chị Th, nhưng tình hình kinh tế khó khăn nên anh chị thống nhất tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Cuối năm 2014, anh sang Đài Loan làm ăn trước, năm 2015 chị Th cũng sang Đài Loan nhưng ở cách chỗ anh làm khoảng 800km. Kể từ khi chị Th sang Đài Loan làm ăn, vợ chồng anh có đến thăm nhau khoảng vài lần, nhưng do khoảng cách địa lý xa xôi, cộng thêm bất đồng quan điểm sống, không có sự thấu hiểu, chia sẻ nên tình cảm vợ chồng ngày một nhạt dần. Anh chị không muốn nói chuyện với nhau nữa, những lần gọi điện cũng chỉ toàn cãi nhau. Gia đình hai bên có biết về mâu thuẫn của vợ chồng anh, có can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng anh sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm hay liên lạc gì với nhau. Ngày 22/3/2022, do hết hạn hợp đồng, anh quyết định về nước ở cùng bố mẹ đẻ. Trước khi đi anh cũng có gọi Zalo cho chị Th và trao đổi về việc ly hôn, chị Th cũng nhất trí và bảo anh cứ về Việt Nam giải quyết. Nhận thấy vợ chồng xa cách nhau đã lâu, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th.

- *Về con chung:* Anh và chị Th có 02 con chung là Trần Mỹ D, sinh ngày 26/9/2006 và Trần Mỹ Tr, sinh ngày 04/9/2009, hiện các cháu đang ở cùng chị Th và bố mẹ mẹ chị Th là ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Th, qua trao đổi anh được biết các cháu đều có nguyện vọng muốn được tiếp tục ở

cùng chị Th. Do đó, để ổn định cuộc sống cũng như học tập của các con và cũng tôn trọng nguyện vọng của các con, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Th được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Th là 2.000.000đ/con/tháng.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Vợ chồng anh có tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích khoảng 105m<sup>2</sup> và 01 ngôi nhà 01 tầng đổ bê tông kiểu nhà ống, có giá trị khoảng 400.000.000 đồng. Anh và chị Th tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án do anh H không cung cấp được địa chỉ của chị Th tại Đài Loan nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh qua gia đình chị Th, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của chị Th. Ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Th là bố, mẹ đẻ chị Th xác định: Chị Th hiện làm ăn, sinh sống tại Đài Loan nhưng ông, bà không biết địa chỉ cụ thể của chị Th nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên, chị Th thường xuyên liên lạc về gia đình. Ông, bà xác định về thời điểm kết hôn, thời gian anh H, chị Th đi nước ngoài, quan hệ con chung giữa vợ chồng anh H, chị Th như anh H trình bày là đúng. Từ năm 2015 chị Th sang Đài Loan làm ăn đến nay vẫn chưa về nước. Quá trình sinh sống ở Việt Nam anh H, chị Th không có mâu thuẫn gì, nhưng từ khi sang nước ngoài làm ăn anh H lại có quan hệ với người phụ nữ khác nên không quan tâm gì đến chị Th nữa. Sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, ông V đã thông báo cho chị Th biết, quan điểm của chị Th là không nhất trí ly hôn với anh H, tùy anh H tự giải quyết; Về con chung: Chị Th đề nghị được tiếp tục nuôi cả hai con và yêu cầu anh H phải có trách nhiệm với các con; Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do hiện nay, chị Th vẫn đang làm ăn tại Đài Loan 02 năm nữa mới hết hạn hợp đồng để về nước, cả 02 con đều ở cùng với ông bà từ nhỏ nên chị đề nghị để ông bà tiếp tục hỗ trợ chị Th chăm sóc các cháu cho đến khi chị về nước, anh H phải có trách nhiệm với các con. Tuy nhiên, ông V, bà Th đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh H, chị Th đoàn tụ để cùng nuôi con chung. Chị Th hiện đang ở nước ngoài nhưng có quan điểm không đồng ý ly hôn nên ông V, bà Th từ chối không nhận văn bản của Tòa án thay chị Th. Ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th, về

tài sản anh và chị Th tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, về con chung đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị Th nuôi dưỡng và ông bà ngoại hỗ trợ chị Th chăm sóc các cháu trong thời gian chị Th chưa về nước, anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Th mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng/cháu.

- Luận cứ bảo vệ của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị Th đã trầm trọng, vợ chồng từ lâu không còn liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Giải quyết cho anh H được ly hôn với chị Lê Thị Th.

Về con chung: Hiện anh H đang sinh sống ở tỉnh Đồng Nai, anh H là lao động tự do nên nơi làm việc chưa ổn định, chị Th đang làm việc tại Đài Loan, các cháu là con chung của anh H và chị Th hiện đang sinh sống cùng ông bà ngoại. Hai cháu đang ăn ở, sinh hoạt và học tập từ năm 2010 đến nay đã hơn 10 năm nên anh thấy việc ông bà ngoại là người trực tiếp chăm sóc hai cháu đến khi chị Th về nước là hợp lý. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và giao cho chị Th nuôi hai con chung và ông bà ngoại là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu cho đến khi chị Th về nước. Anh H tự nguyện cấp dưỡng cho hai cháu là 4.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung : Anh H và chị Th tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Th, ông V và bà Th vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho anh Trần Văn H được ly hôn chị Lê Thị Th; Về con chung: Giao con chung là Trần Mỹ D, sinh ngày 26/9/2006 và Trần Mỹ Tr, sinh ngày 04/9/2009 cho chị Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ông V có trách nhiệm hỗ trợ chị Th chăm sóc các cháu cho đến khi chị Th về nước. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Th là 2.000.000đ/con/tháng; Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 án phí cấp dưỡng nuôi con.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng:

Anh Trần Văn H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết ly hôn giữa anh với chị Lê Thị Th. Chị Th hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Anh H không cung cấp được địa chỉ của chị Th tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu anh H và gia đình chị Th cung cấp địa chỉ nhưng anh H và gia đình chị Th không cung cấp được. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa, anh H, ông Tiền có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Th, ông V, bà Th vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H, ông Tiền, chị Th, ông V, bà Th.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H và chị Lê Thị Th được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HN, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai vào ngày 08/3/2005 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân nhiều năm nay, hai bên còn không quan tâm đến nhau. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th. Chị Th có quan điểm không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh H, tuy nhiên không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy thực tế anh chị không chung sống cùng nhau từ nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn của anh H và chị Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh H xin ly hôn chị Th là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh H và chị Th có 02 con chung là Trần Mỹ D, sinh ngày 26/9/2006 và Trần Mỹ Tr, sinh ngày 04/9/2009, các cháu

đang cùng chị Th và bố mẹ chị Th và đều có nguyện vọng xin được ở cùng chị Th. Anh H đề nghị để chị Th được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/con/tháng cho đến khi các con thành niên cùng chị Th. Chị Th không nhất trí ly hôn, tuy nhiên chị Th đề nghị được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cả 2 con chung và yêu cầu anh H có trách nhiệm với con chung, do chị chưa về nước chị đề nghị ông V, bà Th là bố mẹ để chị chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi chị về nước. Xét thấy: Cháu D và cháu Tr từ nhỏ khi anh H và chị Th đi nước ngoài vẫn ở cùng ông V, bà Th, hiện nay vẫn đang ở cùng ông V, bà Th. Các cháu đều có nguyện vọng được ở cùng chị Th và ông bà ngoại. Do vậy, để không ảnh hưởng đến cuộc sống và học tập của các cháu cần giao cho chị Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị Th yêu cầu anh H phải có trách nhiệm với con chung nhưng không yêu cầu anh H mỗi tháng phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là bao nhiêu tiền, anh H có đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th là 2.000.000đồng/tháng. Mức cấp dưỡng anh H đề nghị là phù hợp pháp luật nên được chấp nhận. Chị Th chưa về nước, cháu D và cháu Tr đang ở cùng ông V và bà Th, chị Th đề nghị ông V, bà Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung giúp chị cho đến khi chị về nước, ông V, bà Th cũng nhất trí. Do vậy, cần giao cho ông V, bà Th tiếp tục hỗ trợ chị Th chăm sóc các cháu cho đến khi chị Th về nước.

Anh H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh H xác định có tài sản chung, chị Th xác định không có tài sản chung. Tuy nhiên các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này nếu các đương sự có yêu cầu giải quyết về tài sản sẽ được xem xét tại vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Anh H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì những lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố

tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Trần Văn H được ly hôn với chị Lê Thị Th.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trần Mỹ D, sinh ngày 26/9/2006 và Trần Mỹ Tr, sinh ngày 04/9/2009, thời gian từ tháng 7/2022 đến khi các con chung thành niên. Ông Trần Văn Vinh và bà Nguyễn Thị Th có trách nhiệm hỗ trợ chị Th chăm sóc cháu D và cháu Tr cho đến khi chị Th về nước.

Anh Trần Văn H phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Th mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng, thời gian từ tháng 7/2022 cho đến khi con chung thành niên.

*Kể từ ngày chị Lê Thị Th có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu anh Trần Văn H chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

Anh Trần Văn H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Anh Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000059 ngày 18/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương) và phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con (anh H chưa nộp).

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn H, ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Chị Lê Thị Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường HN, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Mai Hoa**